

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm phục vụ công tác xét nghiệm dịch vụ nước, thực phẩm năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
- Tên gói thầu: Gói số 2: Mua vật tư phục vụ công tác xét nghiệm dịch vụ nước, thực phẩm năm 2025
- Chủ đầu tư: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội - Số 70 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 11 năm 2025
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu chung:

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:

- (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
- (2) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng

(3) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.

(4) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;

(5) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất

(6) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại tham khảo	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa theo Tờ khai hải quan hoặc theo Chứng từ nhập khẩu khác.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba
<p><i>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác. Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</i></p>							

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT	
				Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Anh	Tài liệu tham chiếu bằng tiếng Việt (Lưu ý: Nhà thầu phải đảm bảo tính chính xác giữa nội dung tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có sự sai khác, Tổ chuyên gia sẽ yêu cầu làm rõ E-HSDT. Việc nhà thầu cố tình dịch sai nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, tùy mức độ có thể được coi là hành vi gian lận)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá: ... - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...		
		Mô tả hàng hóa của E-	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi	Đẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá (trích dẫn cụ thể tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật và Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT).	

		HSMT	tiết đáp ứng từng mục)	Đồng thời, nhà thầu cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (chứng minh tính năng kỹ thuật này không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) kèm theo dẫn chứng pháp lý và khoa học cụ thể (không chấp nhận các lập luận tự suy diễn) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
			Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)	Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác.

Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin / dịch tài liệu kỹ thuật không đúng với Thông số kỹ thuật mà Nhà sản xuất công bố nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
1	Bình định mức 25mL	Bình định mức 25mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
2	Bình định mức 50mL	Bình định mức 50mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN 7153 hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
3	Bình định mức 100mL	Bình định mức 100mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc.	2 cái/hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
		Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	
4	Bình định mức 250mL	Bình định mức 250mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
5	Bình định mức 200mL	Bình định mức 200mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
6	Bình định mức 500mL	Bình định mức 500mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
7	Bình định mức 1000mL	Bình định mức 1000mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	2 cái/hộp
8	Chai đựng dung môi 500mL (Chai màu nâu)	Chai đựng dung môi 500mL (Chai màu nâu) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái/hộp
9	Chai đựng dung môi 500mL (Chai màu trắng)	Chai đựng dung môi 500mL (Chai màu trắng) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái/hộp
10	Chai đựng dung môi 1000mL (chai màu nâu)	Chai đựng dung môi 1000mL (chai màu nâu) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái/hộp
11	Chai đựng dung môi	Chai đựng dung môi 1000mL (chai màu trắng) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc.	10 cái/hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
	1000mL (chai màu trắng)	lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	
12	Cốc thủy tinh có vạch 100mL	Cốc thủy tinh có vạch 100mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	10 cái /hộp
13	Cốc thủy tinh có vạch 250mL	Cốc thủy tinh có vạch 250mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 cái/hộp
14	Cốc thủy tinh có vạch 600mL	Cốc thủy tinh có vạch 600mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 cái/hộp
15	Cốc thủy tinh có vạch 1000mL	Cốc thủy tinh có vạch 1000mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 cái/hộp
16	Cốc thủy tinh có vạch 2000mL	Cốc thủy tinh có vạch 2000mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 cái/hộp
17	Cốc cô mẫu thủy tinh (chiều cao 30mm)	- Đường kính (mm): 60, chiều cao (mm): 30 - Tệt trùng $\geq 120^{\circ}\text{C}$ Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	10 cái /hộp
18	Cốc cô mẫu thủy tinh (chiều cao 25mm)	Đường kính (mm): 50, chiều cao (mm): 25	10 cái /hộp
19	Bình nón 100mL	Đường kính (mm): 64, đường kính miệng (mm): 34, chiều cao (mm): 105 Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	10 cái /hộp
20	Bình nón 250mL	Bình thủy tinh, tam giác, dung tích 250ml, có chia vạch	10 cái /hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
21	Pipet paster + quả bóp	Pipet pasteur kèm quả bóp cao su	1 Cái/túi
22	Pipet bầu 1mL	Pipet bầu 1mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
23	Pipet bầu 2mL	Pipet bầu 2mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
24	Pipet bầu 5mL	Pipet bầu 5mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
25	Pipet bầu 10mL	Pipet bầu 5mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
26	Pipet bầu 20mL	Pipet bầu 20mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
27	Pipet bầu 40mL	Pipet bầu 20mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 Chiếc/túi
28	Pipet chia vạch 1mL	Pipet chia vạch 1mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	1 Chiếc/túi
29	Pipet chia vạch 5mL	- Chất liệu: Thủy tinh Soda-lime, nhóm AS - Chiều dài (mm): 360, - Sai số (ml): $\pm \leq 0.03$, - Chia vạch (ml): 0.05 - Tiêu chuẩn ISO 835 hoặc tương đương	12 cái/túi
30	Pipet chia vạch 10mL	Pipet chia vạch 10mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
31	Phễu thủy tinh 5cm	Phễu thủy tinh đường kính 50mm	1 cái/túi
32	Phễu thủy tinh 10cm	Phễu thủy tinh đường kính 100mm	1 cái/túi
33	Chai đựng hóa chất 500mL (Chai màu nâu)	Chai đựng hóa chất 500mL (Chai màu nâu) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái /hộp
34	Chai đựng hóa chất 500mL (Chai màu trắng)	Chai đựng hóa chất 500mL (Chai màu trắng) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái /hộp
35	Chai đựng hóa chất 1000mL (Chai màu nâu)	Chai đựng hóa chất 1000mL (Chai màu nâu) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái /hộp
36	Chai đựng hóa chất 1000mL (Chai màu trắng)	Chai đựng hóa chất 1000mL (Chai màu trắng) Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương Bao gồm bình và nắp tương ứng	10 cái /hộp
37	Pipet bầu 25mL	Pipet bầu 25mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN 7151 hoặc tương đương	10 cái /hộp
38	Pipet bầu 100mL	Pipet bầu 100mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	6 cái/ túi
39	Pipet chia vạch 25mL	Pipet chia vạch 25mL Hoặc tương đương về độ chính xác, kích thước, khối lượng, đặc tính vật liệu chế tạo, nhiệt độ làm việc. Đạt tiêu chuẩn theo TCVN hoặc tương đương	12 cái/hộp
40	Đũa thủy tinh 30cm	Đũa thủy tinh dài 30cm	1 Chiếc/túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
41	Thìa thủy tinh	Thìa thủy tinh xúc hóa chất	1 Chiếc/túi
42	Bình tia nước cát	Bình nhựa tia nước cát	1 Chiếc/túi
43	Quả bóp 3 van	Quả bóp cao su phi 5-8mm, ± 50ml	1 Chiếc/túi
44	Quả bóp không van	Quả bóp cao su	1 Chiếc/túi
45	Ống đong 50mL	- Đế lục giác, nhóm B - Đường kính (mm): 25, chiều cao (mm): 196 - Chia vạch: 1ml, - Sai số: $\pm \leq 1\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 4788 hoặc tương đương - Tiệt trùng ở $\geq 120^{\circ}\text{C}$	2 cái/ hộp
46	Ống đong 100mL	- Đế lục giác, nhóm B - Đường kính (mm): 29, chiều cao (mm): 256 - Chia vạch: 1ml, - Sai số: $\pm \leq 1\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 4788 hoặc tương đương - Tiệt trùng ở $\geq 120^{\circ}\text{C}$	2 cái/ hộp
47	Ống đong 500mL	- Đế lục giác, nhóm B - Đường kính (mm): 53, chiều cao (mm): 360 - Chia vạch: 5ml, - Sai số: $\pm \leq 5\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 4788 hoặc tương đương - Tiệt trùng ở $\geq 120^{\circ}\text{C}$	2 cái/ hộp
48	Ống đong 25mL	- Đế lục giác, nhóm B - Đường kính (mm): 21, chiều cao (mm): 167 - Chia vạch: 0.5ml, - Sai số: $\pm \leq 0.5\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 4788 hoặc tương đương - Tiệt trùng ở $\geq 120^{\circ}\text{C}$	2 cái/ hộp
49	Ống đong 1000mL	- Đế lục giác, nhóm B - Đường kính (mm): 65, chiều cao (mm): 460 - Chia vạch: 10ml, - Sai số: $\pm \leq 1\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 4788 hoặc tương đương - Tiệt trùng ở $\geq 120^{\circ}\text{C}$	1 cái/ hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
50	Chai lấy mẫu 250ml	Chai thủy tinh nút mài, miệng rộng, dung tích 250ml	1 cái/túi
51	Chai lấy mẫu 500ml	Chai nhựa 500ml	1 cái/túi
52	Khẩu trang lọc bụi	Đạt tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84 N95 cho hiệu quả lọc tối thiểu 95% Sol khí rắn và lỏng không chứa dầu Số chứng nhận NIOSH: TC -84A-5231 OSHA, hệ số bảo vệ ấn định (APF 10) theo chuẩn OSHA (Mỹ) và CSA (Canada), TCVN 8389-1:2010 hoặc tương đương. Nẹp mũi có thể điều chỉnh, các nếp xếp hình chữ V, dây đeo qua đầu có ghim bấm. Thành phần vật liệu: Thun đeo -Polyisoprene, ghim thép, nẹp mũi-Nhôm, màng lọc: Polypropylene, Lớp phủ ngoài: Polypropylene. Khẩu trang không có bộ phận làm từ mù cao su tự nhiên	Chiếc
53	Ống nghiệm thủy tinh có nắp Ø16	Chất liệu thủy tinh; nắp vặn bằng nhựa chịu nhiệt Ø16mm	Ống
54	Ống nghiệm thủy tinh có nắp Ø18	Chất liệu thủy tinh; nắp vặn bằng nhựa chịu nhiệt Ø18mm	Ống
55	Que cấy vi sinh	Que lấy vi sinh thẳng dùng trong phòng thí nghiệm	01 que/cái
56	Găng tay bảo hộ	Găng tay chống cắt, cách điện	1 đôi/túi
57	Giấy chống dính	Giấy phủ silicon 2 mặt Kích thước: 30cm x5m	5m/hộp
58	Pipet nhựa 10mL (dùng 1 lần), có chia vạch đến 0,1mL	- Chất liệu: Nhựa Polystyrene nguyên chất - Thể tích: 10ml - Chiều dài: 388 ± 3mm - Không độc hại với người sử dụng - Màu nhãn: Vàng (được in trên đầu vào của pipet để dễ nhận biết và sử dụng) - Bộ lọc ở đầu mỗi pipette ngăn chặn mất mát dung dịch khi làm thí nghiệm	1 cái/túi
59	Ca nhựa có vạch xanh 500ml	Ca nhựa có vạch xanh 500ml	1 cái/túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
60	Ca nhựa có vạch xanh 250ml	Ca nhựa có vạch xanh 250ml	1 cái/túi
61	Cốc có mỏ 100 mL	Dung tích: 100ml	Hộp 10 chiếc
62	Cốc có mỏ 250 mL	Dung tích 250ml, có chia vạch	Hộp 11 chiếc
63	Bình nón 250 mL cổ rộng	Dung tích: 250ml Chất liệu: Thủy tinh Chiều cao: 140 mm Đường kính cổ: 40 mm Đường kính đáy: 85 mm	10 cái/hộp
64	Bình nón 1000 mL cổ rộng	Dung tích: 1000ml Chất liệu: Thủy tinh Chiều cao: 220mm Đường kính cổ: 50mm Đường kính đáy: 132mm	10 cái/hộp
65	Cá khuấy từ	Loại không cạnh SA-45, dài 2cm	10 cái/hộp
66	Băng dính chỉ thị nhiệt khô	Băng keo cố định gói đồ vải đi kèm chỉ thị kiểm soát tiếp xúc cho tiệt khuẩn Ethylene Oxide. Cuộn dài 50m, bề ngang 19mm	Cuộn
67	Băng dính chỉ thị nhiệt ướt	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt - 12mmx55m - Dùng cố định gói dụng cụ hấp - Dùng để kiểm tra gói dụng cụ đã hấp và chưa hấp thông qua vạch Không chứa cao su tự nhiên. Độ dính tốt, đáng tin cậy. Mực không chứa Chì, không phải rác nguy hại. Băng co giãn, tránh bung băng trong quá trình tiệt khuẩn. Có thể viết lên các nhãn đã in sẵn.	Cuộn
68	Giấy đo pH	Cuộn dài 4,8m Màu pH: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 12 - 13 - 14	3 cuộn/hộp
69	Đĩa petri thủy tinh 90x15	Đĩa petri thủy tinh 90x15mm	10 Chiếc/túi
70	Đĩa petri nhựa 90x15 (đĩa dùng 1 lần)	- Chất liệu: Polystyrene, trong suốt - Kích thước: 90x15mm - Đế phẳng	10 cái/túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
		- Nắp thông hơi để trao đổi khí tốt hơn - Các đĩa có thể xếp chồng - Quy cách đóng gói: 10 cái/túi	
71	Đĩa petri thủy tinh 60x15	Đĩa petri thủy tinh 60x15mm	10 Chiếc/túi
72	Ống duhan	Ống thủy tinh cỡ nhỏ, kích thước ~2mm x 18mm	Kg
73	Ống tube φ16mm x 160mm	Ống tube thủy tinh φ16mm x 160mm	Chiếc
74	Ống tube φ18mm x180mm	Ống tube thủy tinh φ18mm x180mm	Chiếc
75	Ống tube φ12mm x 120mm	Ống tube thủy tinh φ12mm x 120mm	Chiếc
76	Nắp nhôm nắp ống nghiệm phi 16mm	Nắp nhôm nắp ống nghiệm phi 16mm	100 cái/hộp
77	Nắp nhôm nắp ống nghiệm phi 18mm	Nắp nhôm nắp ống nghiệm phi 18mm	100 cái/Hộp
78	Chổi rửa buret cán dài màu trắng	Chổi cước màu trắng, cán dài, rửa buret, pipet	Chiếc
79	Màng nhôm bọc thực phẩm 30cm	Chất liệu nhôm lá mỏng với đặc tính giữ nhiệt, chịu được nhiệt độ cao, áp lực cao trong nồi hấp tiệt trùng. Kích thước: - Chiều ngang: 30cm - Khối lượng cả cuộn: 0,1kg	cuộn/hộp
80	Màng nilon bọc thực phẩm 450 size 30cm x450m	Kích thước: 30cm x 450m. Chất liệu: Màn bọc thực phẩm được làm từ chất liệu nhựa PVC đã được biến tính kỹ không gây độc hại cho môi trường nuôi cấy vi sinh, màn bọc dai để bám vào dụng cụ nhựa, Thủy tinh...,dao cắt tiện lợi . Màn bọc có thể sử dụng trong tủ lạnh và lò vi sóng ở chế độ hâm nóng.	cuộn/hộp
81	Giấy bản	Giấy bản, độ thấm tốt 60cmx30cm	Kg

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
82	Bếp từ	8 mức công suất và 6 chương trình nấu cài đặt sẵn Điều khiển cảm ứng và màn hình hiển thị LED Hẹn giờ lên tới 180 phút	Cái
83	Ấm đun siêu tốc 1,5lit	Thân bình bằng inox đun sôi nhanh. Đế tiếp điện có độ bền cao. Tự động ngắt điện khi sôi và khi ấm cạn nước.	Cái
84	Chén cân thủy tinh 70x35	Chén cân bằng thủy tinh hình trụ, đường kính 70mm, chiều cao 35mm	Cái
85	Túi đập mẫu vi sinh	Túi 400 ml có filter lọc	500 cái/hộp
86	Hộp đựng ống CRYOBANK 80 vị trí	Hộp nhựa, nắp trong suốt, 80 lỗ cắm ống	01 hộp và nắp/chiếc
87	Màng lọc cellulose ester đường kính 37mm, kích thước lỗ lọc 0,8µm	Màng lọc cellulose ester đường kính 37mm, kích thước lỗ lọc 0,8µm	100 cái/hộp
88	Màng lọc polytetrafluoro ethylene đường kính 37mm, kích thước lỗ lọc 0,45µm	Màng lọc polytetrafluoroethylene (PTFE) đường kính 37mm, kích thước lỗ lọc 0,45µm	100 cái/hộp
89	Màng lọc nylon 0,45µm, 47mm	Màng lọc nylon 0.45um, 47mm. Chất liệu: Nylon, màng có tính linh hoạt, bền, chống rách, có thể tiệt trùng đến 135°C. Ứng dụng công nghệ sinh học bao gồm lọc thiết bị nuôi cấy mô, dung dịch đậm, được sử dụng trong sắc ký để lọc mẫu, pha nước và các pha hữu cơ, khử khí chân không	100 cái/hộp
90	Màng lọc nylon 0,2µm, 47mm	Màng lọc nylon 0.2um, 47mm. Chất liệu: Nylon, màng có tính linh hoạt, bền, chống rách, có thể tiệt trùng đến 135°C. Ứng dụng công nghệ sinh học bao gồm lọc thiết bị nuôi cấy mô, dung dịch đậm, được sử dụng trong sắc ký để lọc mẫu, pha nước và các pha hữu cơ, khử khí chân không	100 cái/hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
91	Màng lọc Cellulose Acetate	Chất liệu: Cenzuloz Acetate Lỗ lọc: 0.45µm Đường kính: 47mm Tương thích hóa học: pH4 - 8 Nhiệt độ tối đa: 180°C	100 cái/hộp
92	Hộp đựng đĩa đã nuôi cấy để ủ kỵ khí 2.5L	Hộp đựng đĩa đã nuôi cấy để ủ kỵ khí; thể tích 2,5L	01 hộp và nắp/chiếc
93	Ống đong nhựa 250ml PP	Chất liệu nhựa, kháng acid, kiềm nhẹ. Độ chính xác cấp A	cái
94	Ống đong nhựa 500ml PP	Chất liệu nhựa, kháng acid, kiềm nhẹ. Độ chính xác cấp A Chất liệu: nhựa PP	cái
95	Ống giữ chủng vi sinh- CRYOBANK	Ống giữ chủng Vi sinh, chứa các hạt lưu trữ và môi trường pha sẵn, 4 màu sắc khác nhau	80 lọ/hộp
96	Túi đựng rác thải nguy hại màu đen không lây nhiễm	Kích thước 60cmx40cm, có dây rút để buộc miệng túi trước khi bỏ rác	túi 1kg
97	Túi đựng rác thải nguy hại lây nhiễm màu vàng	Kích thước 60cmx40cm, có dây rút để buộc miệng túi trước khi bỏ rác, có in biểu tượng an toàn sinh học	túi 2kg
98	Túi đựng rác thải sinh hoạt màu xanh	Kích thước 60cmx40cm, có quai hoặc dây rút để buộc miệng túi trước khi bỏ rác	túi 3kg
99	Bông mỡ, không thấm nước	Bông mỡ, không thấm nước; Bông mỡ không thấm nước được làm từ 100% bông tự nhiên, đã được chải qua để loại bỏ tạp chất. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Kết cấu mịn màng và mềm mại. Không thấm nước.	
100	Cột ái lực miễn dịch AflaTest	Chuyên dụng cho phân tích Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2, M1 và M2) trong nhiều loại hàng hóa. Sử dụng với thiết bị huỳnh quang Fluorometer hoặc với HPLC/UPLC. Thể tích 1 mL. Giới hạn phát hiện từ 0,1 ppb đến 1000 ppb.	50 cái/hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
101	Cột chiết pha rắn SPE cartridge	Cột chiết C18 dùng cho HPLC; 1. Tóm tắt thông số kỹ thuật: - Kích thước: 3mL, 6mL, 12mL, 25mL, 50mL, 90mL - Đường kính: 4mm, 6mm, 10mm Chất nền: - Silica gel liên kết C18 - Kích thước hạt: 40µm, 50µm, 100µm - Diện tích bề mặt: 500 m ² /g - Độ pH: 2 - 12 - Độ giữ nước: 60% - Nhiệt độ tối đa: 120°C - Loại dung dịch tải mẫu: Nước, dung dịch hữu cơ (Ví dụ: acetonitrile, methanol) - Loại dung dịch rửa: Nước, dung dịch hữu cơ (Ví dụ: acetonitrile, methanol)	50 cái/hộp
102	Cột chiết pha rắn SPE cartridge	Cột chiết dùng trong HPLC; Thông Số Kỹ Thuật: - Kích Thước: 3mL, 6mL, 12mL, 25mL, 50mL - Đường Kính: 4mm, 6mm, 10mm - Chất Nền: Silica Gel Hỗn Hợp: Giai đoạn ngược & Trao đổi ion - Kích Thước Hạt: 50µm - Diện Tích Bề Mặt: 500 m ² /g - Độ pH: 2 - 12 - Độ Giữ Nước: 60% - Nhiệt Độ Tối Đa: 120°C - Loại Dung Dịch Tải Mẫu: Nước, dung dịch hữu cơ (ví dụ: acetonitrile, methanol) - Loại Dung Dịch Rửa: Nước, dung dịch hữu cơ (ví dụ: acetonitrile, methanol)	20 cái/hộp
103	Cột chiết pha rắn SPE cartridge	Cột chiết dùng trong HPLC; Thông Số Kỹ Thuật: - Kích Thước: 3mL, 6mL, 12mL, 25mL, 50mL - Đường Kính: 4mm, 6mm, 10mm - Chất Nền: Silica Gel Gắn Nhóm Si - Kích Thước Hạt: 50µm - Diện Tích Bề Mặt: 500 m ² /g - Độ pH: 2 - 12 - Độ Giữ Nước: 60%	20 cái/hộp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
		<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt Độ Tối Đa: 120°C - Loại Dung Dịch Tải Mẫu: Nước, dung dịch hữu cơ (ví dụ: acetonitrile, methanol) - Loại Dung Dịch Rửa: Nước, dung dịch hữu cơ (ví dụ: acetonitrile, methanol) - Loại Dung Dịch Eluot: Dung dịch hữu cơ (ví dụ: acetonitrile, methanol) - Ứng Dụng: Chiết xuất các hợp chất phân cực từ các mẫu lỏng và rắn; Làm sạch mẫu trước khi phân tích bằng HPLC, GC, MS 	
104	Giấy bản to loại 1kg	<p>Giấy thấm hút</p> <p>Kích thước: 40x50 cm</p> <p>Chất liệu: Bột giấy nguyên chất</p>	1kg/ Túi
105	Giấy lọc định tính TRUNG BÌNH	<p>Tốc độ lọc: trung bình</p> <p>Đường kính 150mm</p> <p>Kích thước lỗ giấy: 15 ~ 20µm</p> <p>Tốc độ: 35 -70 giây, 80g/m²</p> <p>Hàm lượng tro < 0,15 %</p>	100 tờ /Hộp
106	Giấy lọc kích thước to	<p>Chất liệu: PP (Polypropylene), PE (Polyester)</p> <p>Kích thước: 60cmx60cm</p>	1kg
107	Màng lọc syringe, đầu lọc dung môi và mẫu HPLC	Màng lọc kích thước 0,45µm; Đường kính: 25mm dùng trong HPLC	100 cái/hộp
108	Pipet Pasteur thủy tinh 150mm	<p>Chất liệu: Thủy tinh</p> <p>Chiều dài: 150mm</p>	1 Chiếc/túi
109	Ống phá mẫu Kjeldahl	Ống chung cất phá mẫu đạm, kích thước 42 x 300mm, dung tích 250ml	1 ống/ túi
110	Cồn kế thủy tinh 0 - 25	<p>Cồn kế thủy tinh 0 - 25: Thông số kỹ thuật cơ bản</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm vi đo: <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ cồn: 0 - 25% - Nhiệt độ: 15 - 25°C (hoặc 59 - 77°F) 2. Độ chính xác: ±0.2% 3. Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Ống thủy tinh - Vạch chia độ: Chất liệu chống hóa chất 4. Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 300 mm 	1 Chiếc/túi

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (Hoặc tương đương, hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói tối thiểu
		<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 12 mm 5. Trọng lượng: 50 g 6. Các tính năng khác: <ul style="list-style-type: none"> - Dễ sử dụng - Bền bỉ - Chịu hóa chất tốt - Có thể sử dụng cho nhiều loại dung dịch cồn khác nhau 	
111	Cồn kế thủy tinh 0 - 70	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm vi đo: <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ cồn: 0 - 70% - Nhiệt độ: 15 - 25°C (hoặc 59 - 77°F) 2. Độ chính xác: ± 0.5 % 3. Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Ống thủy tinh - Vạch chia độ: Chất liệu chống hóa chất 4. Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 300 mm - Đường kính: 12 mm 5. Trọng lượng: 50 g 6. Các tính năng khác: <ul style="list-style-type: none"> - Dễ sử dụng - Bền bỉ - Chịu hóa chất tốt - Có thể sử dụng cho nhiều loại dung dịch cồn khác nhau 	1 Chiếc/túi

Yêu cầu khác (áp dụng cho tất cả hàng hóa kể trên)

- Thời gian giao hàng: ≤ 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Bản cam kết cung cấp chứng từ hàng hóa trước khi giao hàng: Đối với hàng hóa nhập khẩu: Tờ khai hải quan (*Bản sao của đơn vị nhập khẩu*), Chứng nhận Xuất xứ (CO), Chứng nhận Chất lượng (CQ), Invoice (*Bản sao của đơn vị nhập khẩu*), Packing list (*Bản sao của đơn vị nhập khẩu*), Vận đơn (*Bản sao của đơn vị nhập khẩu*),... Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Phiếu xuất kho và Chứng nhận Chất lượng (CQ) của nhà sản xuất,... theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

1.3. Các yêu cầu khác:

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật, mô tả hình ảnh đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.**

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 và các văn bản sửa đổi. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, năm sản xuất từ năm 2025 trở về sau, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

Mục 2. Bản vẽ: “Không có bản vẽ”

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 70 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo E-HSMT hoặc không thích ứng với các thiết bị hiện có thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.